TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn H, xã Đ tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh T lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng (nay là UBND xã Đồng Việt, tỉnh Bắc Ninh) ngày 12/02/2019. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong thời gian dài, không thể hoà hợp. Nhiều lần vợ chồng nói chuyện để tháo gỡ mâu thuẫn,

bất đồng nhưng không dàn xếp được. Từ cuối năm 2021 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Hoàng Phúc sống. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không còn gần gũi tình cảm, không quan tâm gì đến nhau, cứt đứt mọi liên lạc. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị và anh Nguyễn Văn Tiến.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 01/12/2015 và Nguyễn Lê Huy V, sinh ngày 14/8/2018, hiện nay hai con đang sống cùng chị, các con vẫn khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Toà án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm nhân viên kế hoạch tại Công ty Hồng Hải ở khu công nghiệp Quang Châu và làm thêm ngoài nên tổng thu nhập khoảng 25.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có gì vướng mắc, khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị D lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng (nay là UBND xã Đồng Việt, tỉnh Bắc Ninh) ngày 12/02/2019. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong thời gian dài, vợ chồng không thể hoà hợp được. Vợ chồng anh nhiều lần nói chuyện với nhau để tháo gỡ mâu thuẫn, bất đồng nhưng không dàn xếp được. Từ cuối tháng năm 2021 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Hoàng Phúc sống, nhiều lần anh sang nhà bố mẹ vợ nói chuyện nhờ bố mẹ hai bên dàn xếp cho vợ chồng tôi về đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị D kiên quyết không về sống cùng anh. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không còn gần gũi tình cảm, không quan tâm gì đến nhau, cứt đứt mọi liên lạc. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị D xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho anh và chị D.

- Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 01/12/2015 và Nguyễn Lê Huy V, sinh ngày 14/8/2018, hai con đang sống cùng chị Dung vẫn khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Nay ly hôn anh đồng ý giao cả 02 con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có gì vướng mắc, khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

+ Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2025 với bà Hoàng Thị U là mẹ đẻ anh Tiến cung cấp: Gia đình bà tổ chức cưới cho anh T và chị D theo phong tục tập quán năm 2019. Quá trình chung sống giữa anh T và chị D có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu bà không biết. Từ năm 2021, chị Dung bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh T và chị D sống ly thân từ 2021 đến nay. Nay chị D xin ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn H là trưởng thôn Đồng Nhân cung cấp: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị D là công dân thôn Đồng Nhân, kết hôn với nhau năm 2019. Đến khoảng năm 2021 chị D bỏ về mẹ đẻ ở thôn Hoàng Phúc, xã Đồng Phúc (nay là xã Đồng Việt) sống. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, vợ chồng chị D, anh T hiện sống ly thân. Nay chị D xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ Ngày 08/9/2025, Tòa án mở phiên tòa nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 25/9/2025, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành nhưng không đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 01/12/2015 và Nguyễn Lê Huy Vũ, sinh ngày 14/8/2018 cho chị Lê Thị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung cho chị và anh Nguyễn Văn Tiến nên cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn T sinh sống và cư trú trên địa bàn xã Đồng Việt, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị D và bị đơn anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn là tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và được Uỷ ban nhân dân xã Đồng Phúc (nay là UBND xã Đồng Việt) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/02/2019. Do vậy, hôn nhân giữa chị D và anh T là tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Theo lời khai của chị D và anh T thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong thời gian dài, vợ chồng không thể hoà hợp được, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị Dung bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhận thấy hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Dung, xử cho chị Dung được ly hôn anh Tiến là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 01/12/2015 và Nguyễn Lê Huy V, sinh ngày 14/8/2018. Hiện các con đang sống cùng chị D, các con đều khoẻ mạnh phát triển bình thường. Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T đồng ý giao cả hai con chung cho chị D nuôi dưỡng.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu H và cháu V, cả hai con đều có nguyện vọng được ở với chị D. Từ khi anh T và chị D sống ly thân năm 2021 đến nay thì chị D vẫn là người nuôi dưỡng, chăm sóc hai con. Do đó để tạo điều kiện tốt nhất cho hai con chung của chị D và anh T được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi chị D và anh T ly hôn. Hội đồng xét xử thấy cần giao cả 02 con chung là Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 01/12/2015 và cháu Nguyễn Lê Huy V, sinh ngày 14/8/2018 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[7] Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị D và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Lê Huy H, sinh ngày 01/12/2015 và Nguyễn Lê Huy V, sinh ngày 14/8/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002125 ngày 08/7/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Bắc Ninh;
- UBND xã Đồng Việt;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy